

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 97/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ: Tầng A, 2 Tòa nhà S P, phường B, quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Hoàng Đình H - Chức vụ: Giám đốc THNTT và XLN vùng - V1 (Theo Giấy ủy quyền số 183815.23 ngày 08/11/2023).

**Người đại diện theo ủy quyền lại:** Ông Phan Văn P; Chu Quang M; Phạm Văn K - Cán bộ ngân hàng (Theo Giấy ủy quyền số 057954.24 ngày 25/3/2024).

**Bị đơn:** Anh Phan Trần N, sinh năm 1987 và chị Ngô Thị H1, sinh năm 1991  
Trú tại: Xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 1645156.22 ngày 28/4/2022:

Ngân hàng TMCP Q và anh Phan Trần N, Ngô Thị H1 thỏa thuận: Anh Phan Trần N và chị Ngô Thị H1 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Q đến ngày 04/7/2024 là: 3.130.405.549đ (Ba tỷ, một trăm ba mươi triệu, bốn trăm linh năm nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng), bao gồm:

Nợ gốc: 2.675.706.702đ;

Nợ lãi trong hạn: 74.014.794đ;

Nợ lãi quá hạn: 380.684.053đ;

Kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thanh toán xong, anh Phan Trần N và chị Ngô Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã kí kết.

- Về xử lý tài sản đảm bảo:

Trường hợp anh N, chị H1 không trả hoặc trả không đủ số tiền còn nợ, lãi phát sinh theo như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ thì đề nghị phát mại tài sản bảo đảm, gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 91, tờ bản đồ số: 59, diện tích 652 m<sup>2</sup> địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 048869, số vào sổ cấp GCN: CH 00858 do UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/12/2015 cho ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị D. Ngày 16/12/2021 chuyển nhượng cho ông Phan Trần N và bà Ngô Thị H1 theo hồ sơ số 005694.CN.001”.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 80, tờ bản đồ số: 60, diện tích 234 m<sup>2</sup> địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB 705182, số vào sổ cấp GCN: CS 02608 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh N cấp ngày 18/6/2021 cho bà Phan Thị D1. Ngày 15/03/2022 chuyển nhượng cho ông Phan Trần N và bà Ngô Thị H1 theo hồ sơ số 006843.CN.001”.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh N, chị H1 đối với ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh N, chị H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho ngân hàng; nếu sau khi thanh toán nghĩa vụ trả nợ còn dư thì anh N, chị H1 được nhận lại số tiền dư đó.

Khi anh N, chị H1 thanh toán đủ số nợ gốc, lãi cho ngân hàng thì ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho anh N, chị H1:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 048869, số vào sổ cấp GCN: CH 00858 do UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/12/2015.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB 705182, số vào sổ cấp GCN: CS 02608 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh N cấp ngày 18/6/2021 cho anh N, chị H1.

- Án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Phan Trần N, chị Ngô Thị H1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 47.304.055<sup>d</sup> (Bốn mươi bảy triệu, ba trăm linh tư nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 45.864.000<sup>d</sup> đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số BLTU/23/0002756 ngày 15/4/2024.

- Chi phí tố tụng: Anh N, chị H1 chịu 8.000.000<sup>d</sup> (Tám triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng TMCP Q.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## **THẨM PHÁN**

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Yên Thành;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Hoài Nam**